

Số: **2838**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **07** tháng **11** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

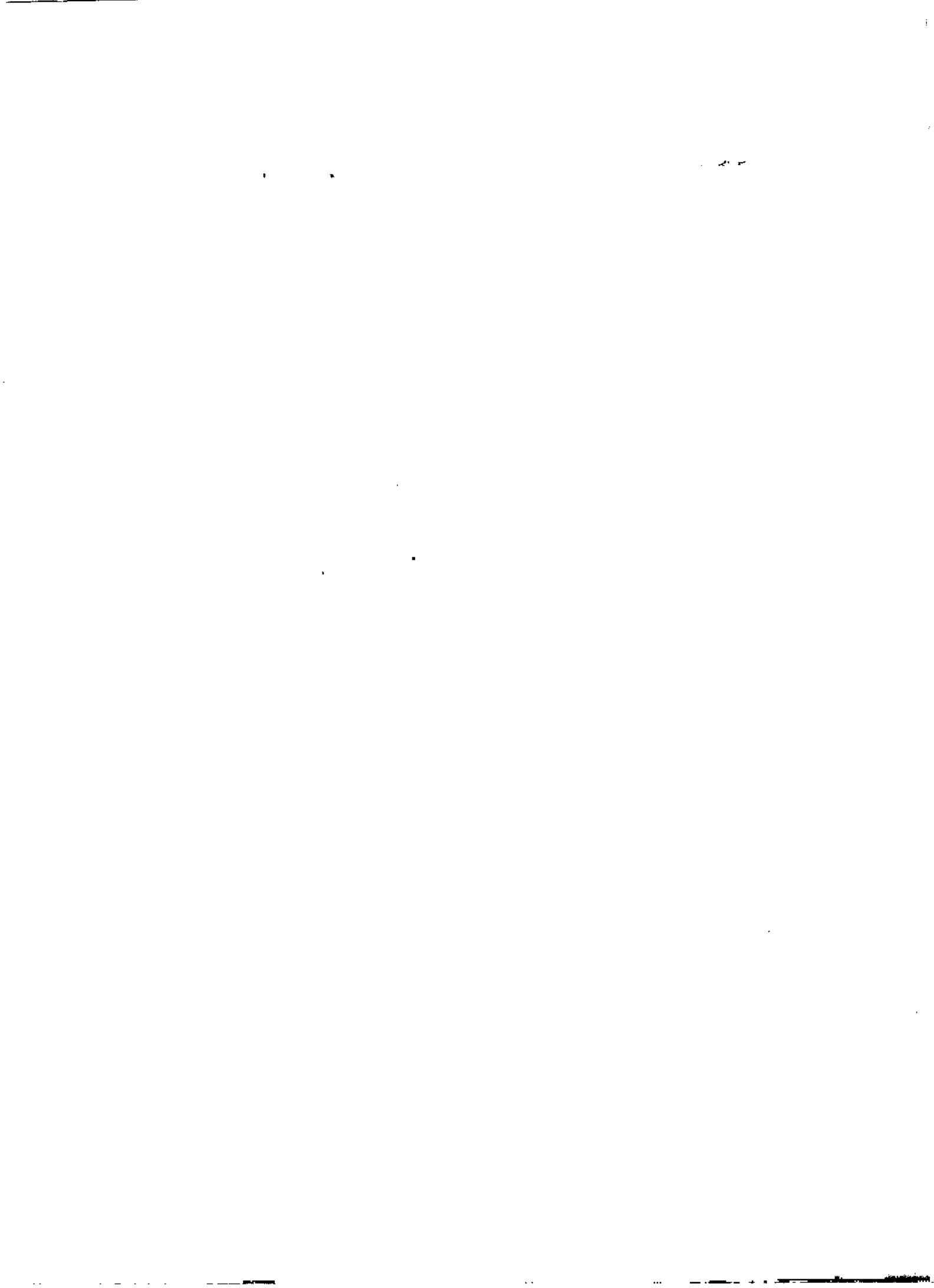
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 408/TTr-SNV ngày 19/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ được thành lập theo Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 của UBND tỉnh.

Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.



Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ KH&CN;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC(N), NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính



ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học
và Công nghệ tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2838~~ /QĐ-UBND ngày 07/11/2016
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Vị trí pháp lý

1. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Tên gọi của Quỹ:

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị;

- Tên viết tắt: Quỹ Phát triển KH&CN.

- Tên giao dịch quốc tế: Quang Tri Foundation for Science and Technology Development (QTFOSTED).

3. Địa chỉ: Số 204, đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Chung trụ sở với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị).

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

5. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 2. Tính chất và mục đích hoạt động

1. Quỹ hoạt động nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp:

a) Vốn điều lệ của Quỹ được cấp một lần từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

Vốn điều lệ của Quỹ bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước và kinh phí hỗ trợ, đóng góp từ bên ngoài, đảm bảo tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng, trong đó phần kinh phí hỗ trợ, đóng góp từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tối thiểu đạt 10% (500 triệu đồng).

Tùy theo nhu cầu, khả năng hoạt động Quỹ và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, UBND tỉnh quyết định việc thay đổi quy mô vốn điều lệ của Quỹ dựa vào hiệu quả hoạt động của Quỹ.

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tỉnh trực tiếp quản lý và chi hoạt động quản lý của Quỹ;

c) Các nguồn ngân sách khác.

2. Các nguồn vốn khác

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có);

b) Nhận ủy thác của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ;

c) Kinh phí được điều chuyển từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh trực tiếp quản lý;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước;

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đề xuất hỗ trợ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng.

3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận.

4. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đối tượng được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Đối tượng cấp kinh phí:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Đối tượng tài trợ: một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đối tượng cho vay: các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Đối tượng hỗ trợ: các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức và cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức và cá nhân đăng ký hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp với loại hình đề nghị hỗ trợ.

4. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Chương II.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận và nhận uỷ thác các nguồn vốn của nhà nước, tổ chức, cá nhân; huy động các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ vay thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Quỹ.

4. Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu, thể thức cụ thể để đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực thích hợp đề nghị Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ.

5. Tổ chức việc xét chọn và thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực đề Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ.

6. Kiểm tra, đánh giá về nội dung chuyên môn và tình hình thực hiện tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực do Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ.

7. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ. Đánh giá kết quả các nhiệm vụ Quỹ cho vay và hỗ trợ.

8. Đình chỉ hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ vốn vay hoặc thu hồi kinh phí tài trợ, cho vay và hỗ

trợ khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức, nhân sự của Quỹ theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

12. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan quản lý theo quy định.

13. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật.

14. Chấp hành các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

15. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ.

Điều 8. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng Quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên là các nhà quản lý, nhà khoa học, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

a) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm.

c) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản lý Quỹ là 05 năm và các thành viên tham gia Hội đồng Quản lý Quỹ không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng Quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng Quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng Quản lý Quỹ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Phạm tội hình sự bị Toà án kết án bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;

d) Vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức;

b) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Thuyên chuyển công tác, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu theo chế độ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ:

a) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh;

b) Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc Quỹ.

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng của Quỹ, cấp trưởng, cấp phó bộ phận nghiệp vụ và các chức danh khác theo phân cấp trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

đ) Ban hành các văn bản quy định về hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Hội đồng khoa học và công nghệ; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

e) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Nghị quyết của Hội đồng Quản lý Quỹ;

g) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ;

h) Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

i) Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này;

k) Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

l) Hội đồng Quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ:

a) Hội đồng Quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; 03 tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, hoặc Giám đốc Quỹ, hoặc Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ đề nghị;

b) Đối với các vấn đề cần quyết định giữa các phiên họp, Cơ quan điều hành Quỹ gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng;

c) Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ được coi là họp lệ khi ít nhất có 2/3 số thành viên có mặt và phải do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ được uỷ quyền chủ trì. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo đa số trên tổng số thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ. Trường hợp ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ. Nội dung và các kết luận của cuộc họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng Quản lý Quỹ.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ được tính vào chi phí

hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 9. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư, khoa học và công nghệ, pháp luật, không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm;

b) Thành viên của Ban Kiểm soát gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 01 thành viên do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Giúp Hội đồng Quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ;

b) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ việc cơ quan điều hành Quỹ chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và Nghị quyết của Hội đồng Quản lý Quỹ;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;

d) Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng Quản lý Quỹ thông qua; có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ;

đ) Xem xét, trình Hội đồng Quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng Quản lý Quỹ giao.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ uỷ quyền có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng Quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 10. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận nghiệp vụ. Trong đó:

- Giám đốc Quỹ là Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm.
- Phó Giám đốc Quỹ là một Trưởng phòng của Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm.

Bộ phận nghiệp vụ của Cơ quan điều hành Quỹ do một số công chức tại các phòng, ban thuộc Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm; việc bố trí Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Luật Kế toán 2015 và các văn bản có liên quan.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, nghiệp vụ giúp việc Cơ quan điều hành Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc của Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ; đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp liên quan đến hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định;

Giám đốc của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ, theo nhiệm kỳ 05 năm.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

- a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh giao cho Quỹ;
- b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng Quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật;
- c) Chủ trì xây dựng quy định về hoạt động trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét:
 - Quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;
 - Các văn bản khác theo quy định.
- d) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và tổ chức các hội nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ và Hội đồng khoa học và công nghệ. Được tham gia các phiên họp của Hội đồng Quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng Quản lý Quỹ thảo luận nhưng không được biểu quyết;
- đ) Trình quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này để Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định;
- e) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ.
- g) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật;
- h) Báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- i) Trình Hội đồng Quản lý Quỹ:

- Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;
- Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

4. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ:

a) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, theo nhiệm kỳ 5 năm;

b) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

5. Kinh phí hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 11. Hội đồng khoa học và công nghệ của Quỹ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ có 05 đến 07 thành viên do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn đánh giá xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cho vay, hỗ trợ vốn vay; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với hoạt động tài trợ; xác định hướng nghiên cứu và các vấn đề liên quan khác.

Thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ phải là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn cao về khoa học và công nghệ, tài chính và có kinh nghiệm phù hợp.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật theo quy định về hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 12. Hoạt động cấp kinh phí của Quỹ

1. Quỹ thực hiện cấp kinh phí:

a) Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho tỉnh trực tiếp quản lý, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có đầy đủ hồ sơ.

b) Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng;

c) Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 13. Hoạt động tài trợ của Quỹ

Quỹ tài trợ toàn bộ hoặc một phần cho tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau:

1. Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh đã được công bố;

2. Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh công bố hàng năm.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

Điều 14. Hoạt động cho vay của Quỹ

1. Quỹ cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi đối với các dự án khoa học và công nghệ như sau:

a) Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao;

c) Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

- Đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này;

- Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch;

- Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

- Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

d) Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt.

đ) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

e) Lãi suất vay:

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước quy định tại Điểm a,

Khoản 1 Điều này.

- Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ Tài chính quyết định tại thời điểm vay đối với các dự án đổi mới công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

- Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

- Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

2. Bảo đảm tiền vay:

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm sẽ do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

3. Trích lập dự phòng: Hàng năm, Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 15. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh sau đây: công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 16. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán thu chi Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính, trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, kiểm tra theo quy định.

4. Quỹ được phép chuyên vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

5. Chi hoạt động quản lý Quỹ được sử dụng cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ và đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

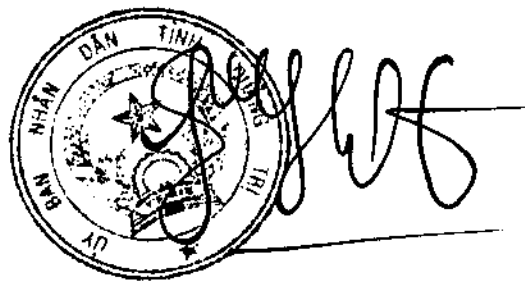
Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh và các tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, cho vay vốn có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của tỉnh và do Hội đồng Quản lý Quỹ thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

